

PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2024-2028^(*)
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2024
 của UBND tỉnh)

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	SL/ TL %	Kế hoạch giai đoạn 2024-2028				
				Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
I	Nguồn vốn = (1+2+3+4+5)-6			26,259	31,259	36,259	41,259	46,259
1	Vốn Điều lệ	Tr.đ		20,000	25,000	30,000	35,000	44,000
	- Vốn điều lệ (Quỹ cũ chuyển tiếp)	Tr.đ						
	- Vốn điều lệ cấp theo KH	Tr.đ	lần	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
2	Vốn ngân sách tạm ứng	Tr.đ				-	-	-
3	Vốn nhận ủy thác	Tr.đ						
4	Các quỹ (ĐT, DP) tích lũy hàng năm	Tr.đ		1,259	1,259	1,259	1,259	1, 675
5	Vốn góp thành viên	Tr.đ						
6	Tiền giữ hộ KH, CLN đợi thanh toán	Tr.đ						
II	Phương án sử dụng vốn		100%	26,259	31,259	36,259	41,259	46,259
1	Dư nợ giải ngân/tổng vốn	T.Lệ	95%	24,946	29,696	34,446	39,196	43,946
2	Tiền gửi thời hạn tại ngân hàng	T.Lệ						
3	Tiền gửi thanh toán tại ngân hàng	T.Lệ	5%	1,313	1,563	1,813	2,063	2,313
III	Hiệu quả tài chính							
1	Thu nhập	Tr.đ		1,811	2,155	2,498	2,842	3,185
	Lãi cho vay BQ/dư nợ (theo kỳ)	Tr.đ	6.84%	1,796	2,138	2,480	2,822	3,164
	Phí (hồ sơ vay vốn, tư vấn...)	Tr.đ						
	Lãi tiền gửi	T.Lệ		15	17	18	20	21
2	Chi phí	Tr.đ		1,130	1,289	1,970	2,270	2,681
	Chi hoạt động nghiệp vụ	Tr.đ		108	122	140	162	182
	Lương (11-13-15-15-15người/năm)	Tr.đ		415	415	822	1014	1278
	Các khoản trích theo lương (23.5%)	Tr.đ		15	15	120	165	227
	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ						

	Trích lập dự phòng	Tr.đ						
	Chi khác	Tr.đ		592	737	888	929	994
3	Chênh lệch Thu - Chi	Tr.đ		681	866	528	572	504
4	Thuế tiền gửi ngân hàng	T.Lệ						
5	Thu nhập còn lại	Tr.đ						
IV	Trích lập các quỹ quy định	TLệ	100%					
1	Bù đắp kết quả tài chính âm	Tr.đ				-	-	-
2	Trừ các khoản tiền phạt	Tr.đ				-	-	-
3	Quỹ Đầu tư phát triển	T.Lệ	30%	191	244	146	153	132
4	Quỹ Dự phòng TC (max=25% VDL)	T.Lệ	10%	63	81	48	51	44
5	Quỹ Thưởng người QL,KSV/ xếp loại năm	Tr.đ	Tháng lương					
6	Quỹ phúc lợi & khen thưởng/xếp loại năm	Tr.đ	Tháng lương	34,6	35,6	35,6	35,6	35,6
7	Phần còn lại bổ sung quỹ đầu tư	Tr.đ		392,4	505,4	298,4	332,4	292,4
V	Đánh giá xếp loại năm							
1	Quỹ Thưởng NQL,KSV/người/năm							
2	Quỹ Phúc lợi/người/năm							
3	Quỹ Khen thưởng/người/năm							

Ghi chú:

(*) Kế hoạch hoạt động giai đoạn 2024-2028 là cơ sở để Quỹ xây dựng kế hoạch hằng năm trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt.